

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex hồi phục nhờ nhóm CP ngân hàng tăng mạnh

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Thanh khoản trên thị trường tăng mạnh

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

ACV, MBB

[Quan điểm đầu tư]

V#KBSectorBulletBody

25/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	909.67	+0.70
VN30	849.58	+1.45
HĐTL VN30	841.00	+1.45
HNXIndex	106.66	+2.38
HNX30	184.46	+2.34
UPCoM	55.53	+0.54
USD/VNĐ	VND23,251	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.88	-6
Lãi suất qua đêm (%)	2.41	+28
Dầu (WTI, \$)	51.33	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,651.85	-0.45



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 909.67 (+0.70%)
KLGD (triệu CP) 186.0 (-27.3%)
GTGD (triệu US\$) 166.8 (-24.3%)

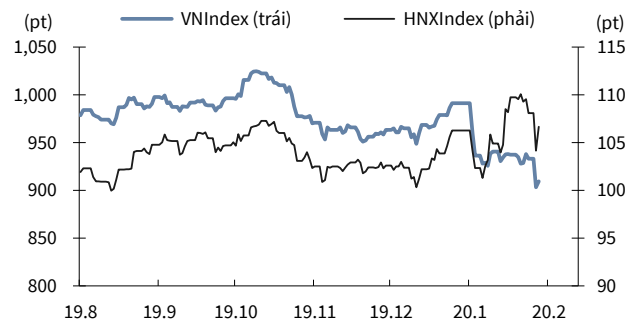
HNXIndex 106.66 (+2.38%)
KLGD (triệu CP) 42.6 (-34.5%)
GTGD (triệu US\$) 21.7 (-28.9%)

UPCoM 55.53 (+0.54%)
KLGD (triệu CP) 11.7 (-28.6%)
GTGD (triệu US\$) 5.5 (-37.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.1

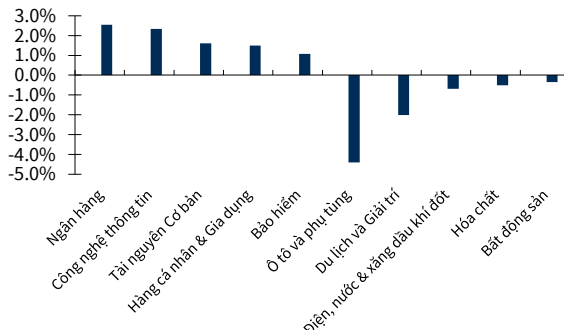
Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng mạnh, giúp chỉ số VNIndex hồi phục sau phiên sụt giảm sâu ngày hôm qua. Cụ thể, thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng cho quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD giúp hàng loạt các cổ phiếu ngân hàng bứt phá như CTG (+7%), VPB (+5.6%), BID (+5.4%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng đã quay trở lại xu hướng tăng với hàng loạt các mã tăng mạnh SZL (+6.4%), VRG (+3.6%), D2D (+3.2%)... Trong khi đó, phản ứng trước các dự báo thận trọng của Cục Hàng không Việt Nam về tác động của dịch cúm Corona, nhóm cổ phiếu hàng không tiếp tục có phiên điều chỉnh ACV (-3.4%), HVN (-4.6%), VJC (-0.8%). Đi ngược với diễn biến hồi phục tốt ở nhóm cổ phiếu bất động sản vốn hóa vừa như HDG (+3.8%), CEO (+3.8%), DXG (+2.1%)..., nhóm cổ phiếu Vingroup có phiên điều chỉnh nhẹ VIC (-0.3%), VRE (-0.5%), VHM (-1.1%). Cổ phiếu dược cũng đi ngược thị trường và điều chỉnh với IMP (-2.3%), DHT (-1.3%), DVN (-0.8%)... Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng phiên thứ 11 liên tiếp, tập trung ở VCB (-1.1%), HAG (+4.7%), NVL (+0.2%).

VN Index & HNX Index



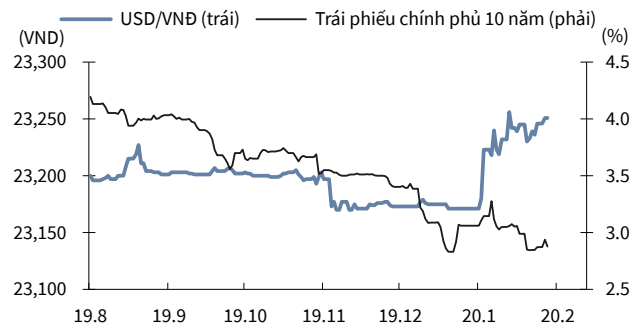
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

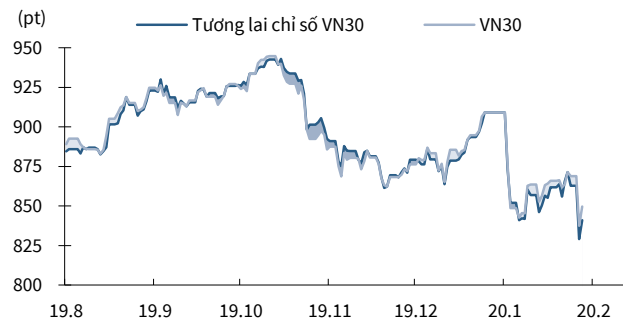
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **849.58 (+1.45%)**
VN30 tương lai **841.0 (+1.45%)**
Mở cửa **825.0**
Cao nhất **842.2**
Thấp nhất **820.0**

Hợp đồng **163,276 (+26.6%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

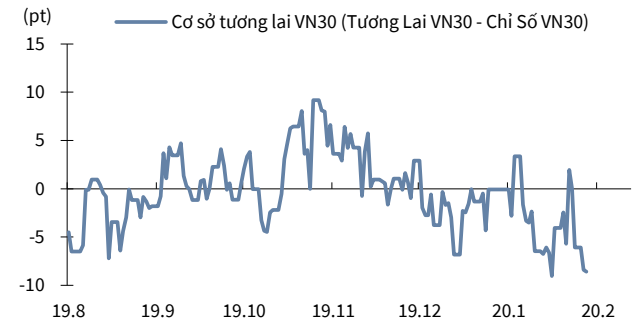
Diễn biến hồi phục trên thị trường cơ sở giúp thanh khoản trên thị trường phái sinh tăng mạnh. HĐTL F2003 tăng mạnh hơn chỉ số VN30 Index trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, tuy nhiên áp lực bán gia tăng trong phiên ATC khiến đà tăng ở HĐ này suy yếu, và chênh lệch âm ở thời điểm đóng cửa duy trì xấp xỉ phiên hôm qua, ở mức -8.58 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với giá trị ở mức thấp.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



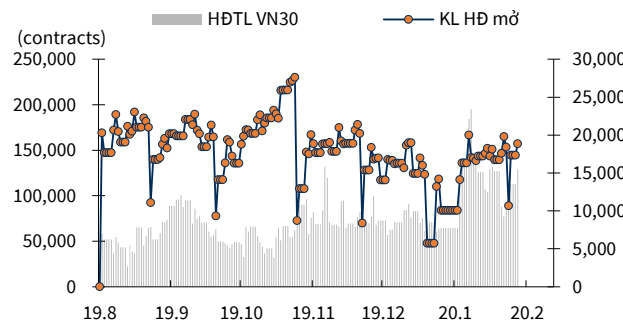
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



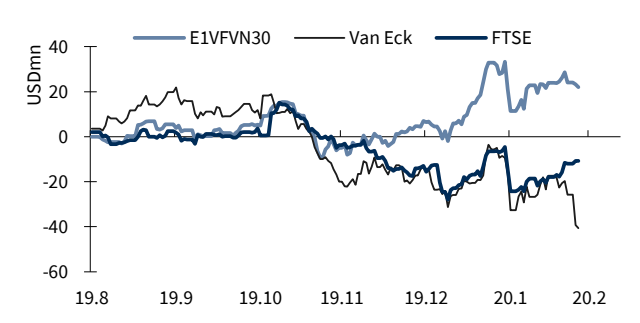
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

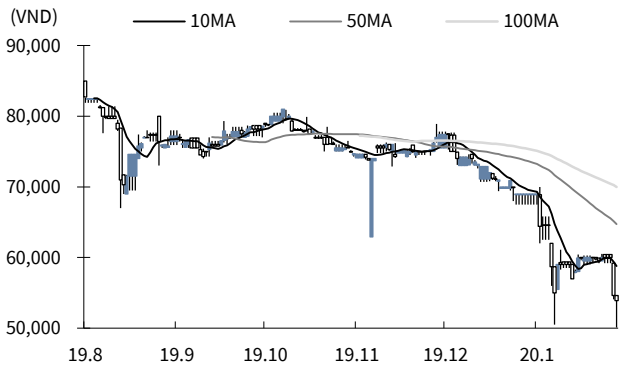
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

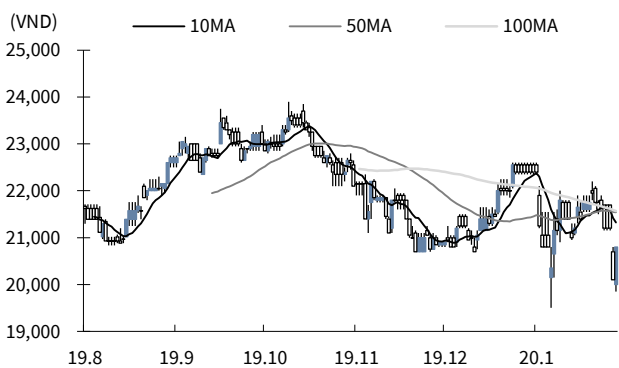
Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACV giảm 3.4% xuống còn 53,900 VNĐ/cp.
- Cục Hàng không Việt Nam mới đây đã đưa ra 3 kịch bản cho thị trường hàng không năm 2020. Theo đó, nếu dịch hết trong tháng 4 (kịch bản lạc quan nhất), tổng thị trường năm 2020 vẫn đạt 80 triệu khách (+1.1% YoY). Lượng khách qua cảng đạt 119 triệu khách (+2.2% YoY).
- Ở kịch bản trung bình (tháng 6/2020 hết dịch), tổng thị trường sẽ chỉ đạt 74.6 triệu khách (-5.7% YoY), lượng khách qua cảng đạt 111.6 triệu khách (-4.2% YoY).
- Trường hợp xấu nhất, nếu tháng 8 mới hết dịch, tổng thị trường chỉ còn 65.5 triệu khách (-17.2% YoY). Lượng khách qua cảng còn 98.5 triệu khách (-15.5% YoY).

Ngân hàng Quân Đội (MBB)



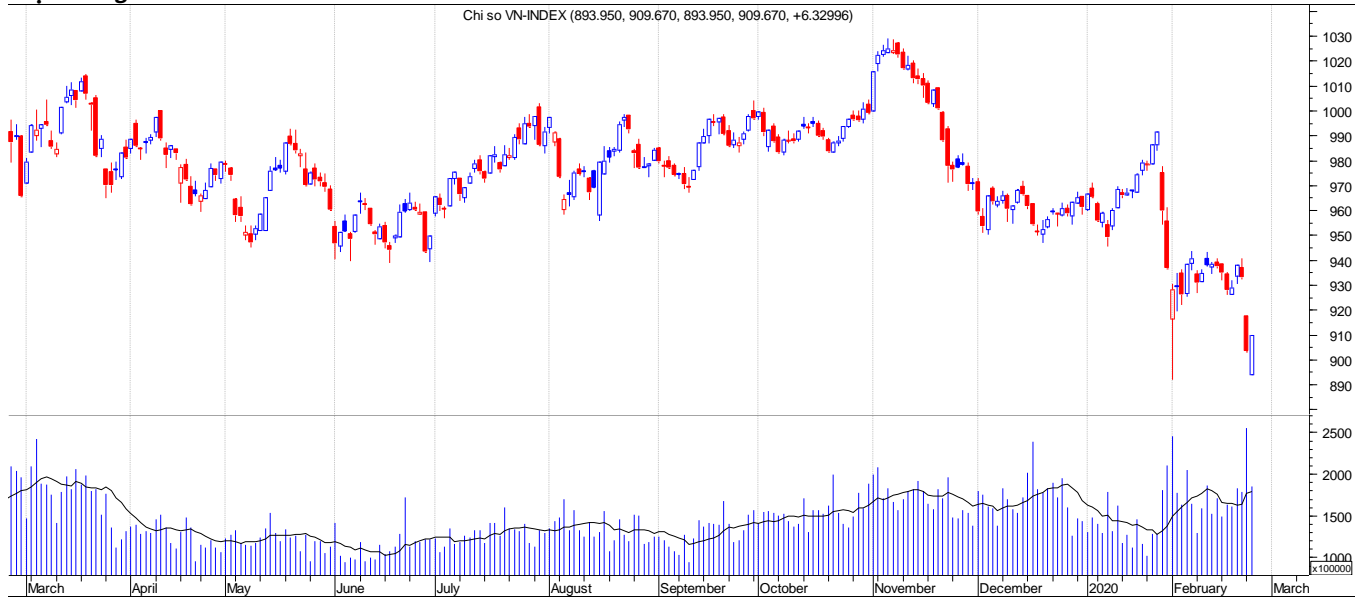
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 3.5% lên 20,800 VNĐ/cp.
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của MBB. Theo đó tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại MB được điều chỉnh từ 20.9% lên gần 23%.
- Trước đó, tháng 7/2019, ông Lưu Trung Thái, Tổng giám đốc MB, chia sẻ với Reuters rằng ngân hàng dự kiến bán 7.5% vốn cho nhà đầu tư nước ngoài. Đợt chào bán sẽ được thực hiện thông qua phát hành mới 123 triệu cổ phiếu và bán 38.9 triệu cổ phiếu quỹ. Theo ông Thái, ngân hàng dự kiến bán vốn cho một hoặc nhiều nhà đầu tư nước ngoài, không nhất thiết các đơn vị này phải là cổ đông chiến lược của ngân hàng.

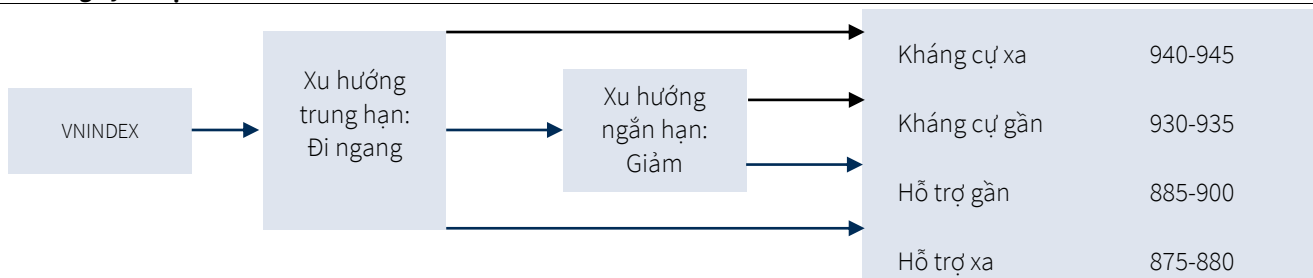
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở

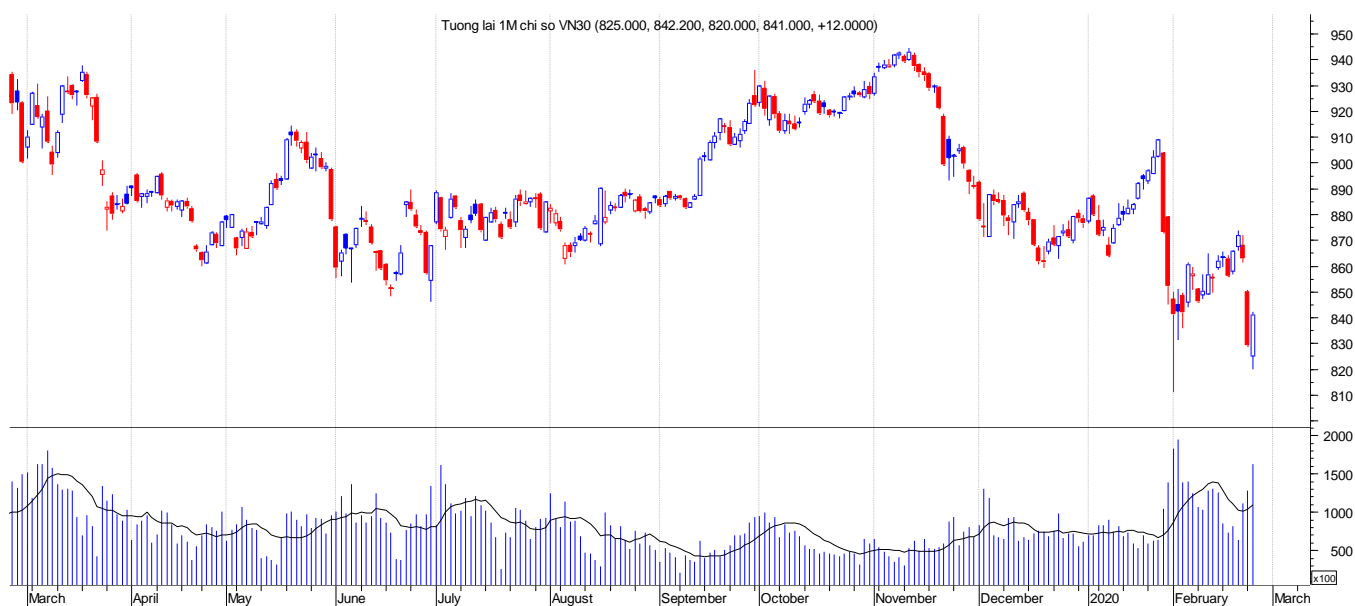


Xu hướng kỹ thuật



- Chỉ số VNIndex ghi nhận phiên phục hồi nhẹ nhưng với mẫu hình nền tăng điểm về cuối phiên khá tích cực sau khi nhận được lực đỡ từ vùng đáy cũ quanh 890.
- Chúng tôi tiếp tục thận trọng về xu hướng thị trường và nghiêng về kịch bản đây chỉ là nhịp hồi phục mang tính T+ sau phiên lao dốc mạnh hôm trước.
- NĐT được khuyến nghị tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại tại các nhịp phục hồi trong phiên và chỉ mở trạng thái trở lại nếu nhịp điều chỉnh sau đó của thị trường diễn ra một cách có trật tự (không tiếp tục lao dốc và giảm với độ dốc thoải).

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự chỉ số VNIndex, chỉ số VN30 cho phản ứng phục hồi khá tích cực với mô men mở rộng về cuối phiên.
- Mặc dù vậy, chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản đây chỉ là nhịp hồi mang tính T+ với vùng cản gần tại quanh 855.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở trạng thái SHORT tại những vùng kháng cự trong phiên.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

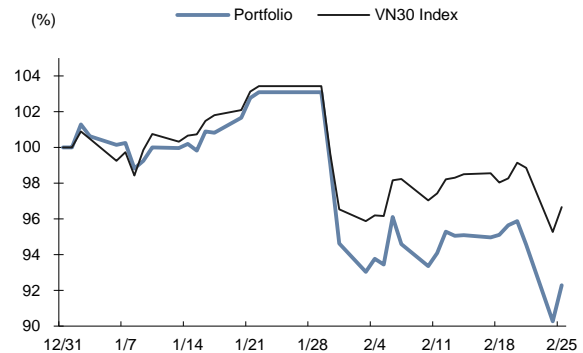
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.45%	2.24%
Tăng lũy kế (YTD)	-3.35%	-7.72%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	107,000	0.8%	-7.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	24,950	14%	-6.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,000	2.2%	8.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,800	3.5%	5.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	34,250	18%	0.7%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	54,000	2.9%	40.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	26,100	7.0%	7.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	127,000	-0.8%	-1.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,100	18%	-1.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	15,700	19%	-11.1%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoài

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.5%	58.6%	48.8
CTG	7.0%	29.6%	18.9
VIC	-0.3%	14.7%	15.4
SBT	0.2%	6.5%	9.8
BID	5.4%	18.0%	2.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	-1.2%	23.8%	-68.7
HAG	4.7%	2.4%	-19.5
NVL	0.2%	6.5%	-12.2
VRE	-0.5%	33.0%	-12.1
PVT	-2.3%	31.5%	17.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoài

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.0%	20.7%	2.1
TNG	2.9%	16.4%	0.3
SD6	-4.2%	11.6%	0.2
NBC	0.0%	6.8%	0.1
WCS	0.0%	26.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	2.5%	1.7%	-8.9
SHS	3.1%	11.0%	-4.8
SHB	2.8%	10.4%	-2.9
VCS	3.0%	2.4%	-0.7
PVI	0.0%	54.3%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	1.3%	PHR, HRC
Bảo hiểm	0.9%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	0.8%	VNM, MSN
Bất động sản	-0.7%	VIC, SJS
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%	NKG, DTL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-8.9%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-4.8%	SSI, HCM
Du lịch và Giải trí	-4.7%	HVN, VJC
Dầu khí	-4.0%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	-3.7%	FPT, SAM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	29.9%	YEG, YEG
Y tế	3.7%	DHG, IMP
Hóa chất	0.6%	PHR, HII
Ô tô và phụ tùng	-3.3%	HHS, CSM
Công nghệ thông tin	-3.3%	SAM, SGT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-17.9%	HVN, VJC
Thực phẩm và đồ uống	-12.7%	SAB, VNM
Bảo hiểm	-12.5%	BVH, BMI
Dầu khí	-11.1%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-10.1%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	107,000	361,920 (15,556)	74,156 (3.2)	22.0	38.2	24.3	48.4	8.2	18.9	4.1	3.6	-0.3	2.4	-6.9	-7.0
	VHM	VINHOMES JSC	83,100	273,359 (11,750)	56,746 (2.4)	34.0	10.1	8.1	38.0	36.4	32.0	3.2	2.3	-1.1	-3.4	-7.0	-2.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	29,200	66,352 (2,852)	49,686 (2.1)	16.0	20.5	15.5	17.5	11.4	12.5	2.2	2.0	-0.5	-4.4	-10.4	-14.1
	NVL	NOVA LAND INVES	53,700	52,064 (2,238)	29,812 (1.3)	32.0	17.8	15.9	-7.7	12.4	12.1	2.1	-	0.2	-0.6	-4.1	-9.7
	KDH	KHANGDIENHOUSE	24,700	13,447 (578)	5,590 (0.2)	4.4	11.0	10.0	20.8	15.1	14.8	1.6	1.5	1.4	0.8	-4.6	-8.2
	DXG	DAT XANH GROUP	12,100	7,336 (315)	32,088 (1.4)	5.6	4.2	3.0	3.3	18.0	22.7	0.8	-	2.1	-4.7	-7.3	-16.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,200	319,705 (13,742)	82,529 (3.6)	6.2	15.4	13.3	23.6	23.5	21.9	2.9	2.5	-1.1	-3.6	-7.7	-4.4
	BID	BANK FOR INVESTM	48,800	196,274 (8,436)	54,988 (2.4)	12.0	23.3	18.7	13.3	12.8	13.8	2.4	2.3	5.4	-6.2	-12.1	5.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,200	77,703 (3,340)	77,169 (3.3)	0.0	7.1	6.0	8.7	16.8	16.6	1.1	0.9	3.3	-6.3	-8.3	-5.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	26,100	97,181 (4,177)	254,783 (11.0)	0.4	10.1	6.9	33.5	13.8	17.0	1.2	1.0	7.0	-2.2	2.0	24.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	28,300	68,988 (2,965)	128,898 (5.5)	0.0	7.0	5.9	15.8	21.0	21.1	1.3	1.1	5.6	3.3	19.9	41.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,800	48,820 (2,098)	183,115 (7.9)	0.0	5.7	4.9	16.5	21.1	20.6	1.1	0.9	3.5	-4.4	-7.1	0.0
	HDB	HDBANK	28,000	26,954 (1,159)	49,209 (2.1)	6.4	7.4	6.5	12.8	19.5	19.6	1.3	1.1	2.8	-2.3	-3.4	1.6
	STB	SACOMBANK	11,150	20,111 (864)	108,484 (4.7)	11.3	7.9	6.1	39.1	10.1	12.7	0.7	0.6	2.8	-3.5	2.3	10.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,950	17,317 (744)	2,281 (0.1)	0.0	5.3	5.0	34.2	22.7	20.9	1.1	-	3.5	-3.9	-2.6	-0.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (909)	1,939 (0.1)	0.0	22.8	23.4	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	0.0	-1.1	-1.4	-3.4
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	56,900	42,238 (1,816)	13,123 (0.6)	19.6	30.3	12.4	8.0	8.8	16.6	2.3	1.9	1.6	1.4	-15.1	-17.1
	BMI	BAOMINHINSURANC	22,300	2,037 (0.88)	1,515 (0.1)	11.5	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	-6.3	-14.2	-10.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,400	8,496 (365)	36,647 (1.6)	46.1	3.7	7.0	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	0.9	-6.6	-15.0	-9.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	4,520 (194)	1,066 (0.0)	64.3	7.6	6.3	-14.5	14.1	14.8	1.0	0.9	1.1	-2.8	-3.8	-6.8
	HCM	HOCHIMINH CITY	17,600	5,374 (231)	28,905 (1.2)	45.0	10.3	6.1	-16.4	12.5	17.7	1.1	1.0	0.3	-7.1	-20.7	-17.6
	VND	VN DIRECT SECURIT	13,700	2,857 (123)	4,263 (0.2)	9.1	7.9	6.0	-4.2	12.5	15.1	0.8	0.8	1.1	-3.5	-9.3	-4.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	108,000	188,069 (8,084)	134,322 (5.8)	41.4	18.4	17.2	5.9	38.4	38.6	6.2	5.6	1.5	2.4	-11.0	-7.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	178,000	114,148 (4,906)	13,810 (0.6)	36.6	20.8	15.4	17.6	32.0	36.8	5.6	5.0	0.0	0.0	-23.4	-21.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,600	59,149 (2,542)	61,724 (2.7)	10.3	16.6	14.0	-19.9	10.3	10.5	1.4	1.2	-1.0	1.8	-5.2	-10.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	13,450	14,910 (641)	3,364 (0.1)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-0.4	-4.3	-3.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	127,000	66,528 (2,860)	52,036 (2.2)	10.5	11.0	8.7	10.1	37.8	40.5	3.4	2.6	-0.8	-1.3	-13.3	-13.1
	GMD	GEMADEPT CORP	19,150	5,686 (244)	10,209 (0.4)	0.0	11.0	10.5	-47.2	8.9	8.9	0.9	0.9	1.3	-4.3	-11.1	-17.8
	CII	HOCHIMINH CITY	22,800	5,651 (243)	6,694 (0.3)	19.6	6.8	9.2	202.7	17.5	12.8	0.9	-	-0.9	-3.0	-10.6	1.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	7,800	4,427 (190)	43,493 (1.9)	44.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	-2.1	-24.3	-54.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	18,700	9,130 (392)	10,502 (0.5)	33.5	9.4	7.3	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	0.8	1.9	-5.6	-3.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,800	4,867 (209)	14,878 (0.6)	2.2	7.6	9.5	-30.7	7.8	6.1	0.5	-	2.4	-8.9	19.5	24.4
	REE	REE	34,250	10,619 (456)	27,470 (1.2)	0.0	6.0	5.3	-0.6	15.7	15.0	0.9	-	1.8	-2.4	-7.4	-5.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,000	158,858 (6,828)	24,766 (1.1)	45.3	14.5	13.1	-1.1	21.4	22.6	3.0	2.7	-1.1	-3.5	-12.5	-11.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,450	5,599 (241)	5,482 (0.2)	30.3	7.9	7.1	-2.9	17.9	19.7	1.3	1.3	0.3	-4.4	2.1	-10.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,900	8,945 (384)	7,213 (0.3)	32.6	8.7	8.6	-4.5	17.9	17.4	1.5	-	1.8	-1.8	5.9	3.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP JSC	23,100	63,781 (2,741)	189,096 (8.1)	10.4	7.6	6.5	-1.4	17.2	18.4	1.2	1.0	1.8	-0.9	-12.2	-1.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,900	4,657 (200)	3,970 (0.2)	30.1	10.3	7.9	-16.2	6.3	7.9	0.6	0.6	0.4	-0.8	-5.6	-8.1
	DCM	PETROCA MAU FER	6,090	3,224 (139)	2,092 (0.1)	46.9	-	10.0	-	5.3	5.1	0.5	0.5	0.2	-1.3	0.2	-6.3
	HSG	HOA SENG GROUP	7,880	3,335 (143)	42,165 (1.8)	30.6	8.5	6.4	-4.7	7.0	8.5	0.5	0.5	1.4	-3.2	-12.2	0.9
	AAA	ANPHATBIOPLAST	12,600	2,157 (093)	29,174 (1.3)	37.0	5.7	-	49.2	15.9	-	0.7	-	1.6	3.3	0.0	-0.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,800	60,493 (2,600)	22,177 (1.0)	6.6	14.6	13.3	11.9	19.3	19.4	2.8	2.9	0.4	-3.8	-11.3	-9.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,550	5,285 (227)	46,517 (2.0)	30.4	26.3	8.6	15.2	1.6	4.6	0.4	0.4	2.0	-6.0	-16.1	-16.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,500	3,518 (151)	7,904 (0.3)	17.5	5.2	5.9	5.3	13.3	12.4	0.6	-	-2.3	-8.1	-15.5	-25.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	107,000	48,493 (2,084)	89,119 (3.8)	0.0	10.1	8.5	25.8	34.4	32.5	3.0	2.3	0.8	-1.7	-10.2	-6.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,000	18,691 (803)	64,327 (2.8)	0.0	14.1	12.5	20.3	27.7	27.1	3.3	2.9	2.2	-0.8	-9.1	-3.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,300	1,455 (063)	2,077 (0.1)	68.4	29.7	-	-40.0	4.9	-	1.5	-	0.6	-2.2	32.9	33.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,700	1,714 (074)	7,896 (0.3)	4.6	5.4	5.4	-3.9	21.1	18.8	1.1	1.0	-2.7	14.5	18.6	3.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	45,300	6,138 (264)	23,662 (1.0)	43.1	5.6	20.5	31.3	35.3	-	1.7	-	-5.6	7.2	13.3	18.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	98,000	12,813 (551)	5,107 (0.2)	45.7	19.9	18.7	4.8	19.7	20.0	3.6	3.4	0.0	-0.1	11.4	7.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	57,000	4,276 (184)	1,613 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	1.8	5.6	5.0
IT	FPT	FPT CORP	54,000	36,627 (1,574)	85,495 (3.7)	0.0	10.1	9.0	24.0	25.0	26.2	2.3	2.2	2.9	-3.6	-4.4	-7.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.